TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH LẠNG SƠN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 42/2018/DS-PT
Ngày 03 – 10 – 2018
V/v tranh chấp về thừa kế tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Trung Vân;

Các Thẩm phán: Bà Lương Thị Hồng;

Ông Hồ Đức Châm.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Hoàng Hồng Hạnh - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Lạng Sơn.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa***: Bà Mông Thị Mai Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 24/2018/TLPT- DS, ngày 28 tháng 8 năm 2018 về tranh chấp về thừa kế tài sản.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 05/2018/DS-ST ngày 23 tháng 7 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn bị kháng cáo, kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 43/2018/QĐ-PT ngày 14 tháng 9 năm 2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:*

1. Bà Nguyễn Thị C1; cư trú tại: Số X, tổ *, phường **, quận G, thành phố Hồ Chí Minh;

Địa chỉ tạm trú: Số *, đường V, phường C, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

2. Bà Nguyễn Thị C2; cư trú tại: Số 138, đường C, phường H, quận H, thành phố Hải Phòng; có mặt;

Người đại diện theo ủy quyền của Bà Nguyễn Thị C2: Bà Nguyễn Thị C1 (theo văn bản ủy quyền ngày 02/8/2018); có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn bà Nguyễn Thị C1: Bà Hoàng Thị Kim K, Luật sư Văn phòng Luật sư K thuộc Đoàn Luật sư

tỉnh Lạng Sơn; địa chỉ: Số *, đường N, phường C, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

- *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị T (đã chết ngày 08/3/2018)

Những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của bị đơn đồng thời là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Đào Thị L1; có mặt.

2. Bà Đào Thị L3; vắng mặt.

3. Bà Đào Thị L2; vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Đào Thị L3, bà Đào Thị L2: Bà Đào Thị L1 (theo văn bản ủy quyền ngày 01/10/2018).

Bà Đào Thị L1, bà Đào Thị L3, bà Đào Thị L2 cùng địa chỉ: Số *, đường V, phường C, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp bà Đào Thị L1: Ông Bế Quang H, Luật sư Văn phòng Luật sư H thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

4. Bà Đào Thị D; cư trú tại: Số *, ngõ **, đường V, phường C, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

5. Bà Đào Thị P; cư trú tại: Số *, ngõ **, đường V, phường C, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

6. Ông Đào Đình T; cư trú tại: Số *, ngõ **, đường V, phường C, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

7. Bà Đào Thị H; cư trú tại: Số *, xóm L, xã T, thành phố B, tỉnh Bắc Giang; vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Vũ Đức S; cư trú tại: Số *, phố C, phường C, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

2. Cháu Đào Thị L4, sinh năm 2002; vắng mặt.

- *Người đại diện theo pháp luật của cháu Đào Thị L4*: Bà Đào Thị L1; cư trú tại: Số *, đường V, phường C, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

- *Người kháng cáo*:

1. Bà Đào Thị L1;

2. Bà Đào Thị L3;

3. Bà Đào Thị L2;

4. Bà Đào Thị P;

5. Ông Đào Đình T.

Bà Đào Thị L1, bà Đào Thị L3, bà Đào Thị L2, bà Đào Thị P và ông Đào Đình T đều là người kế thừa quyền và nghĩa vụ của bị đơn, đồng thời là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

- *Viện Kiểm sát kháng nghị*: Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, ý kiến trình bày của các đương sự và Bản án dân sự sơ thẩm, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vợ chồng cụ Nguyễn Văn C và cụ Nguyễn Thị L sinh được bốn người con là bà Nguyễn Thị T, Bà Nguyễn Thị C2, bà Nguyễn Thị C1, và ông Nguyễn Văn T. Cụ Nguyễn Văn C chết khoảng năm 1940, ông Nguyễn Văn T đã chết năm 1957, không có vợ con; cụ Nguyễn Thị L chết năm 1991; bà Nguyễn Thị T, chết ngày 08/3/2018. Bà Nguyễn Thị T có 08 người con là bà Đào Thị H2, bà Đào Thị L1, bà Đào Thị L3, bà Đào Thị L2, bà Đào Thị D, bà Đào Thị P, ông Đào Đình T, bà Đào Thị H; bà Đào Thị H2 đã chết năm 1993, chồng con bà Đào Thị H2 đã bỏ đi không rõ ở đâu.

Ngày 19/10/2017 nguyên đơn Bà Nguyễn Thị C2 và bà Nguyễn Thị C1 khởi kiện đối với bà Nguyễn Thị T yêu cầu chia thừa kế. Các nguyên đơn trình bày: Bố mẹ các bà để lại 02 thửa đất và 01 ngôi nhà cấp bốn, cụ thể như sau: Thửa đất thứ nhất có diện tích khoảng 1078m^2 tại khu đường V, phường C, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn. Năm 1987, cụ Nguyễn Thị Lvà ba chị em bà là Bà Nguyễn Thị C2, Nguyễn Thị C1, Nguyễn Thị T đã tự thỏa thuận, thống nhất, phân chia một phần diện tích đất cho 08 người con của bà Nguyễn Thị T quản lý sử dụng cho đến nay không có tranh chấp; phần đất còn lại 137,5m^2, bà Nguyễn Thị T đã cho ông Vũ Đức S quản lý, sử dụng từ năm 2001 cho đến nay. Thửa đất thứ hai tại số 09, đường Văn Miếu, khối Cửa Nam, phường C, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn, chưa được phân chia; do cụ Nguyễn Thị L và các bà đi thoát ly (vào miền nam chữa bệnh cho ông T, làm kinh tế, lấy chồng, sinh sống ở nơi khác…) nên bà Nguyễn Thị T là người được trực tiếp quản lý, trông giữ. Năm 2016 bà Nguyễn Thị T đã tự kê khai là đất do bố mẹ thừa kế để lại và đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 626,7m² thuộc thửa số 109, tờ bản đồ địa chính số 47 phường C. Diện tích đất này có các loại tài sản trên đất gồm: 01 ngôi nhà cấp bốn đã được cụ Nguyễn Văn C và cụ Nguyễn Thị L xây dựng cách đây hàng trăm năm cho cả đại gia đình sống chung ở đó; 01 ngôi nhà hai tầng xây năm 2001 diện tích khoảng 100m^2, có nguồn gốc từ việc bà Nguyễn Thị T cho ông Vũ Đức S 137,5m^2 đất nên ông Vũ Đức S đã bỏ tiền ra để xây dựng ngôi nhà này cho bà Nguyễn Thị T ở; ngoài ra còn một số cây trồng trên đất (03 cây nhãn đã được ông nội của các bà trồng khoảng hơn 100 năm trước, một số cây ăn quả khác do bà Nguyễn Thị T trồng và một số cây tạp tự mọc). Các nguyên đơn không yêu cầu chia thừa kế đối với diện tích đất bà Nguyễn Thị T đã phân chia cho 08 người con và cho ông Vũ Đức S cùng giá trị ngôi nhà hai tầng của bà Nguyễn Thị T có được do đổi đất. Bà Nguyễn Thị C1, Nguyễn Thị C1 chỉ yêu cầu chia di sản thừa kế của bố mẹ các bà để lại đối với diện tích đất

626,7m², cụ thể: Các bà đề nghị chia là ba phần tương ứng mỗi người được hưởng 208,9m^2; trong đó yêu cầu Tòa án phân định ranh giới tách biệt thành 03 thửa, chia cho bà Nguyễn Thị T (có các con là người thừa kế được hưởng) phần đất phía có ngôi nhà hai tầng và ngôi nhà cấp bốn cũ, 02 phần đất còn lại các bà yêu cầu được quản lý, sử dụng, diện tích có thể chênh lệch và ở vị trí nào cũng được.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đồng thời là người kế thừa quyền và nghĩa vụ của bị đơn (con trai, con gái của bà Nguyễn Thị T) trình bày như sau:

Bà Đào Thị L1, ông Đào Đình T, bà Đào Thị P cho rằng, trước đây bố mẹ của các ông, bà sống tại Bản Quấn, xã Khuất Xá, huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn; vào khoảng những năm 1954 thì được cụ Nguyễn Thị L (bà ngoại) gọi về để giao cho 02 mảnh đất ở phường C, thị xã Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn để trông nom vì bà ngoại cùng với dì Nguyễn Thị C1 và cậu Nguyễn Văn T vào Sài Gòn sinh sống; còn dì Nguyễn Thị C1 đã đi lấy chồng ở Hải Phòng nên không có ai trông coi đất. Ông ngoại mất năm nào các ông bà không nhớ rõ, bà ngoại mất năm 1991, đều không để lại di chúc. Di sản ông bà ngoại để lại gồm có 02 thửa đất, trong đó: Thửa lớn hơn đã được bà Nguyễn Thị T chia cho 08 người con (bà Đào Thị H2 đã chết, không còn quan hệ khác) và cho ông Vũ Đức S (là người có quan hệ thân thiết, gắn bó với gia đình); thửa còn lại mẹ của các ông bà chưa chia cho ai và trên đất đó có 01 ngôi nhà cấp 4 có từ thời ông bà và 01 ngôi nhà hai tầng do mẹ của các ông bà xây năm 2001, phần đất trống mẹ của các ông bà có trồng một số cây ăn quả, cây tự mọc. Việc bà Nguyễn Thị C1 và Nguyễn Thị C1 tranh chấp yêu cầu chia thừa kế thành 03 phần đối với diện tích 626,7m², bà không đồng ý, các anh em của bà chỉ nhất trí chia cho các Bà Nguyễn Thị C2, bà Nguyễn Thị C1 1/3 phần đất không có nhà với diện tích 200m² vì mẹ của bà có công sức nhiều hơn trong việc trực tiếp quản lý, gìn giữ nhà đất trong mấy chục năm khi mà bà ngoại, các bác, dì không sống ở Lạng Sơn nên bà Nguyễn Thị T phải được phần nhiều hơn.

Bà Đào Thị L3, bà Đào Thị L2 đều trình bày về nguồn gốc và quá trình quản lý, sử dụng di sản các cụ để lại đúng như các anh chị đã trình bày và không nhất trí chia thừa kế.

Bà Đào Thị D, bà Đào Thị H đều trình bày về nguồn gốc và quá trình quản lý, sử dụng di sản các cụ để lại đúng như các anh chị em đã trình bày. Các bà đồng ý với yêu cầu khởi kiện, cụ thể các bà đồng ý chia bằng hiện vật cho ba chị em mỗi người được quản lý sử dụng khoảng 1/3 diện tích đất. Ngoài ra bà Đào Thị H còn có ý kiến, hiện nay bà Đào Thị L2 và bà Đào Thị L1 đang quản lý sử dụng ngôi nhà 02 tầng, nếu Tòa án chia cho chị em các bà quản lý sử dụng phần đất có ngôi nhà 02 tầng thì bà vẫn đồng ý cho bà Đào Thị L1 và bà Đào Thị L2 ở trên ngôi nhà này. Bà Đào Thị D trình bày thêm về việc các chị em của bà cho rằng mẹ của bà có công sức, gìn giữ tôn tạo mảnh đất còn các bác, dì không ở Lạng Sơn nên không đồng ý chia hoặc chỉ chia cho 1/3 là chưa hợp lý vì đất đai của ông bà ngoại để lại, mẹ của bà được hưởng 1078m^2 (đã chia cho các con

và cho ông Vũ Đức S để đổi lấy nhà; bản thân các bác và dì cũng có công chăm sóc bà ngoại của bà; nay các bà yêu cầu hưởng 1/3 diện tích đất còn lại là hợp tình, hợp lý.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Vũ Đức S trình bày: bố mẹ của ông với bà Nguyễn Thị T là anh em kết nghĩa, ông gọi vợ chồng ông bà Nguyễn Thị T là cậu mợ. Trước đây gia đình ông ở nhờ đất của nhà thờ, sau đó có kế hoạch xây dựng nên ông phải hoàn trả; bà Nguyễn Thị T biết vậy nên đã cho một miếng đất có diện tích là 137,5m² để ông làm nhà. Năm 2001 khi ông làm nhà, ông đã trực tiếp bỏ tiền ra xây thêm một ngôi nhà hai tầng cho gia đình bà Nguyễn Thị T ở. Phần đất được cho, lúc đầu ông chỉ biết là thuộc quyền sở hữu của bà Nguyễn Thị T; sau khi ở được khoảng 3- 4 năm mới biết bà Nguyễn Thị C2 và bà Nguyễn Thị C1 tranh chấp, tuy nhiên không tranh chấp phần đất của ông. Việc yêu cầu chia di sản thừa kế giữa các con của cụ Nguyễn Thị L không có ý kiến, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Cháu Đào Thị L4 có bà Đào Thị L1 là người đại diện hợp pháp trình bày: Ý kiến của cháu đồng nhất với ý kiến bà Đào Thị L1.

Kết quả xem xét thẩm định tại chỗ, di sản Bà Nguyễn Thị C2, Nguyễn Thị C1 yêu cầu chia thừa kế có tổng diện tích là 649,7m^2, trong đó có 626m^2 thuộc thửa đất số 109; 23,7m^2 thuộc đất giao thông, thuộc một phần thửa đất số 109, tờ bản đồ địa chính số 47 phường C tọa tại địa chỉ số 09, đường Văn Miếu, khối Cửa Nam, phường C, thành phố L; tài sản trên đất có một ngôi nhà cấp 4 đã xây dựng trên 50 năm; một ngôi nhà hai tầng loại 2 xây dựng năm 2001 (ngôi nhà này hiện nay bà Đào Thị L1 và bà Đào Thị L2 đang ở và các cây lâu năm (06 cây nhãn; 04 cây hồng; 01 cây ổi; 02 cây khế; 04 cây Na; 02 cây mắc mật; 01 cây trứng gà; 04 cây gỗ tập; 01 câu sưa; 01 cây bồ kết; 03 cây bưởi; 01 cây nhót tây, 01 cây hồng bì); kết quả định giá: Đất có giá trị là 10.000.000 đồng/m^2; nhà cấp 4 xác định không còn giá trị; nhà hai tầng không đo đạc, định giá.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 05/2018/DS-ST ngày 23/7/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn đã căn cứ vào khoản 5 Điều 26, Điều 35, điểm b khoản 2 Điều 227, các khoản 1, 2 Điều 228, Điều 271, 273, 278, 280 khoản 1, 5 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; các Điều 623, 649, 650, 651, 660 của Bộ luật Dân sự 2015; điểm d khoản 1 Điều 12, khoản 6 Điều 15, khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 7 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/NQ- UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội, quyết định:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện chia thừa kế của bà Nguyễn Thị C2 và bà Nguyễn Thị C1.

2. Xác định hàng thừa kế thứ nhất của cụ Nguyễn Thị L (chết năm 1991) gồm bà Nguyễn Thị C2, bà Nguyễn Thị C1 và bà Nguyễn Thị T. Xác định di sản có yêu cầu chia thừa kế là diện tích đất 626,0m^2 thuộc thửa số 109, tờ bản đồ địa chính số 47 phường C tọa lạc tại số *, đường V, khối C, phường C, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn, thửa đất đã được Ủy ban nhân dân thành phố L cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH-02930 ngày 14/4/2016 mang tên bà Nguyễn Thị T.

3. Thừa kế theo pháp luật được phân chia như sau:

- Chia cho bà Nguyễn Thị T (đã chết) có người kế thừa quyền và nghĩa vụ là bà Đào Thị L1, bà Đào Thị L3, bà Đào Thị L2, bà Đào Thị P, bà Đào Thị D, bà Đào Thị H và ông Đào Đình T được hưởng di sản thừa kế quyền sử dụng đất diện tích 244,6m^2 , thuộc một phần thửa đất số 109, tờ bản đồ địa chính số 47 phường C; thửa đất ký hiệu 109.1 (là hình ABCD); trên đất có 01 ngôi nhà 02 tầng, 01 ngôi nhà cấp 4 và cây trên đất; *có ghi cụ thể các hướng tiếp giáp*;

- Chia cho bà Nguyễn Thị C2 được hưởng di sản thừa kế quyền sử dụng đất diện tích 184,2m^2, thuộc một phần thửa đất số 109, tờ bản đồ địa chính số 47 phường C; thửa đất ký hiệu 109.2 (là hình DCEGHI); trên đất có một số cây; *có ghi cụ thể các hướng tiếp giáp*.

- Chia cho bà Nguyễn Thị C1 được hưởng di sản thừa kế quyền sử dụng đất diện tích 197,2m^2, thuộc một phần thửa đất số 109, tờ bản đồ địa chính số 47 phường C; thửa đất ký hiệu 109.3 (là hình IHKMN); trên đất có một số cây; *có ghi cụ thể các hướng tiếp giáp;*

Kèm theo Bản án Mảnh trích đo địa chính số 40-2018 hệ tọa độ VN2000, khối C, tờ số 47 (418.472-6-15) lập ngày 16/5/2018 và sơ họa phân chia thửa đất lập ngày 23/7/2018.

Khi Bản án có hiệu lực pháp luật các đương sự thực hiện quyền và nghĩa vụ của người sử dụng đất theo quy định pháp luật.

4. Về án phí:

- Bà Nguyễn Thị C2 và Nguyễn Thị C1 được miễn tiền án phí. Hoàn trả lại cho bà Nguyễn Thị C2 số tiền 4.166.000 đồng; trả lại cho bà Nguyễn Thị C1 số tiền 4.166.000 đồng.

- Bà Đào Thị L1, Đào Thị L3, Đào Thị L2, Đào Thị D, Đào Thị P, Đào Thị H và ông Đào Đình T phải án phí dân sự sơ thẩm với tổng số tiền 80.920.000 đồng tương ứng mỗi người phải chịu 11.560.000đồng.

5. Về chi phí tố tụng: Ghi nhận bà Nguyễn Thị C1 tự nguyện chịu toàn bộ chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và chi phí đo đạc bằng máy với tổng số tiền 13.415.000 đồng; xác nhận đã thi hành đủ.

Ngày 03 tháng 8 năm 2018, bà Đào Thị L1, bà Đào Thị L3, bà Đào Thị L2, bà Đào Thị P và ông Đào Đình T kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm hủy Bản án sơ thẩm số: 05/2018/DS-ST ngày 23/7/2018 do xác định sai quan hệ pháp luật, xác định đất tranh chấp phải là của bà Nguyễn Thị T để lại cho các con; do Bà Nguyễn Thị C2, Nguyễn Thị C1 đều là ruột thịt có nguyện vọng muốn hưởng một phần từ tài sản chung có nguồn gốc từ bố mẹ gây dựng nên các ông, bà đồng ý chia cho bà Nguyễn Thị C2 và bà Nguyễn Thị C1 mỗi bà diện tích là 100m^2 trong tổng số diện tích đất 626,7m^2 thuộc thửa đất 109, tờ bản đồ địa chính số 47 phường C, thành phố L.

Tại Quyết định kháng nghị số 40/QĐKNPT-VKS-DS ngày 22/8/2018 của Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn đề nghị hủy Bản án dân sự sơ thẩm

số: 05/2018/DS-ST ngày 23 tháng 7 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn để xét xử lại theo thủ tục sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bà Đào Thị L1, bà Đào Thị P, ông Đào Đình T và bà Đào Thị L3, bà Đào Thị L2 (do bà Đào Thị L1 làm đại diện), giữ nguyên kháng cáo, không đồng ý với Bản án sơ thẩm nhưng có thay đổi yêu cầu, đề nghị sửa Bản án sơ thẩm. Bà Đào Thị L1, bà Đào Thị P và ông Đào Đình T và Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp lập luận cho rằng, bà Nguyễn Thị T đã được giao quản lý tài sản trên 60 năm; Bản án sơ thẩm cũng nhận định bà Nguyễn Thị T có công sức trông coi quản lý tài sản của bố mẹ để lại nhưng khi quyết định chỉ phân chia phần của bà Nguyễn Thị T nhiều hơn bà Nguyễn Thị C1, Bà Nguyễn Thị C2 47m^2 đất là chưa thỏa đáng; đồng thời Bản án sơ thẩm nhận định căn cứ vào thỏa thuận tại biên bản giữa bà Nguyễn Thị C1, bà Nguyễn Thị T, Bà Nguyễn Thị C2 năm 2006 để phân chia là không có căn cứ vì văn bản thỏa thuận này không đúng sự thật; không phải chữ ký của bà Nguyễn Thị T; văn bản không được công chứng, chứng thực. Có căn cứ xác định cụ Nguyễn Thị Lđã giao nhà đất cho bà Nguyễn Thị T quản lý từ năm 1954, trước khi chết cụ Nguyễn Thị L không có yêu cầu đòi lại nhà đất; theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 10 Nghị quyết số 58/1998/NQ-UBTVQH10 ngày 20/8/1998 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về việc giải quyết các giao dịch dân sự trước ngày 01/7/1991 thì nhà đất đương nhiên thuộc quyền sở hữu, sử dụng của bà Nguyễn Thị T. Tuy nhiên xét về tình cảm, xét thấy nguồn gốc đất của bố mẹ để lại nên các ông, bà đồng ý chia cho bà Nguyễn Thị C1, Bà Nguyễn Thị C2 mỗi người là 100m^2; phần đất đã chia năm 1987 và phần đất bà Nguyễn Thị T đổi cho ông Vũ Đức S, các nguyên đơn không tranh chấp, không yêu cầu chia nên không đánh giá xem xét. Yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét thỏa đáng quyền quản lý của bà Nguyễn Thị T theo Nghị quyết số 58/1998/NQ-UBTVQH10 và công lao quản lý tài sản của bà Nguyễn Thị T.

Bà Nguyễn Thị C1 và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Nguyễn Thị C1, không nhất trí với nội dung kháng cáo, kháng nghị; trong thời gian quản lý di sản gia đình bà Nguyễn Thị T đã được khai thác sử dụng nhà đất, cây ăn quả do bố mẹ trồng; các con bà Nguyễn Thị T đã được chia đất để làm nhà ở; ngoài ra bà Nguyễn Thị T đã định đoạt cho ông Vũ Đức S phần diện tích đất là 137,5m^2. Bản án sơ thẩm xử phân chia như vậy là có căn cứ, hợp tình hợp lý, đề nghị giữ nguyên quyết định của Bản án sơ thẩm.

Bà Đào Thị D đề nghị giữ nguyên Bản án sơ thẩm với lập luận như của bà Nguyễn Thị C1 và Luật sư Hoàng Thị Kim K. Bà cho biết, gia đình bà Nguyễn Thị T đã được hưởng nhiều tài sản trong số đất đai của ông bà ngoại để lại, bản thân bà cũng được chia một phần diện tích đất của các cụ để lại. Bản án sơ thẩm xử phân chia cho bà Nguyễn Thị C1, Bà Nguyễn Thị C2 như vậy là hợp tình, hợp lý.

Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn:

- Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý và tại phiên tòa Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng; các đương sự thực hiện đủ các quyền, nghĩa vụ của mình.

- Về nội dung:

Xét nội dung kháng cáo của ông Đào Đình T, bà Đào Thị L3, bà Đào Thị L2, bà Đào Thị L1 và bà Đào Thị P: Xác định diện tích đất yêu cầu chia thừa kế, nguồn gốc của cụ Nguyễn Thị L, cụ Nguyễn Thị L đã giao cho con gái là bà Nguyễn Thị T quản lý, sử dụng từ năm 1954; năm 1987 cụ Nguyễn Thị L và các con gái là bà Nguyễn Thị T, Bà Nguyễn Thị C2, bà Nguyễn Thị C1 đã thỏa thuận thống nhất phân chia một phần diện tích đất cho các con của bà Nguyễn Thị T sử dụng; sau khi cụ Nguyễn Thị L chết (năm 1991), năm 2001 bà Nguyễn Thị T đã định đoạt cho ông Vũ Đức S 137,5m^2 và ông Vũ Đức S đã bỏ tiền ra xây căn nhà hai tầng hiện nay trên thửa đất cho bà Nguyễn Thị T, ngôi nhà này khi còn sống bà Nguyễn Thị T và các con bà ở, nay là các con bà Nguyễn Thị T đang ở. Như vậy ngoài diện tích được phân chia nhiều hơn kỷ phần của Bà Nguyễn Thị C2, bà Nguyễn Thị C1 tại Bản án này thì bà Nguyễn Thị T đã được hưởng phần diện tích định đoạt cho ông Vũ Đức S là 137,5m^2. Bản án sơ thẩm chia như vậy là có căn cứ, đề nghị không chấp nhận kháng cáo của ông Đào Đình T, bà Đào Thị L3, bà Đào Thị L2, bà Đào Thị L1 và bà Đào Thị P.

Về nội dung kháng nghị: Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh rút một phần kháng nghị. Chỉ đề nghị bổ sung ghi thêm vào phần quyết định của Bản án số sêri của Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp đối với thửa đất số 109 cho đầy đủ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Về tố tụng: Bà Đào Thị H vắng mặt. Tuy nhiên do bà Đào Thị H đã có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt (bút lục số 222); sau khi xét xử sơ thẩm bà Đào Thị H không kháng cáo; tại phiên tòa các đương sự có mặt đều đề nghị xét xử vắng mặt bà Đào Thị H do đó Hội đồng tiến hành xét xử vắng mặt bà Đào Thị H theo quy định của pháp luật.

[3] Xem xét nội dung kháng cáo của bà Đào Thị L1, bà Đào Thị P, ông Đào Đình T; bà Đào Thị L3, bà Đào Thị L2 và kháng nghị của Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh thấy rằng:

[4] Toàn bộ diện tích 626,m^2 tại thửa đất số 109, tờ bản đồ địa chính số 47 phường C, thành phố L, các bà Nguyễn Thị C2, Nguyễn Thị C1 khởi kiện yêu cầu chia thừa kế, các đương sự đều thừa nhận là của cụ Nguyễn Văn C và Nguyễn Thị L để lại. Số diện tích đất trên do cụ Nguyễn Thị L giao cho bà Nguyễn Thị T quản lý từ năm 1954.

[5] Vợ chồng cụ Nguyễn Văn C và cụ Nguyễn Thị L sinh được 04 người con là bà Nguyễn Thị T, Bà Nguyễn Thị C2, bà Nguyễn Thị C1, và ông Nguyễn

Văn T (ông T chết năm 1957, không có vợ con). Cụ Nguyễn Văn C chết năm 1940, cụ Nguyễn Thị L chết năm 1991. Thời điểm mở thừa kế di sản của vợ chồng cụ Nguyễn Thị L xác định là năm 1991. Do các cụ Nguyễn Văn C, cụ Nguyễn Thị L chết không để lại di chúc nên việc tài sản của các cụ để lại được chia thừa kế theo pháp luật. Bà Nguyễn Thị C2, bà Nguyễn Thị C1 và bà Nguyễn Thị T là những người được hưởng thừa kế theo pháp luật, thuộc hàng thừa kế thứ nhất. Do đó yêu cầu chia di sản thừa kế của nguyên đơn được chia theo quy định tại điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 651 Bộ luật Dân sự 2015.

[6] Bản án sơ thẩm đã xử chia cho bà Nguyễn Thị T diện tích đất là 244,6m^2, (trên đó có ngôi nhà hai tầng xây dựng năm 2001 bằng nguồn tiền do bà Nguyễn Thị T chia cho ông Vũ Đức S 137,5m^2 nên ông Vũ Đức S đã bỏ tiền xây nhà); Bà Nguyễn Thị C2 được chia diện tích đất là 184,2m^2; bà Nguyễn Thị C1 được chia diện tích đất là 197,2m^2. Như vậy, diện tích đất bà Nguyễn Thị T được chia nhiều hơn phần diện tích đất bà Nguyễn Thị C2 là 60,4m^2 ; nhiều hơn diện tích đất bà Nguyễn Thị C1 được chia là 47,4m^2. Ngoài diện tích đất là 626,0m^2 mà các bà Nguyễn Thị C2, Nguyễn Thị C1 yêu cầu chia trong vụ án này bà Nguyễn Thị T còn được cụ Nguyễn Thị L giao cho quản lý thửa đất khác có diện tích trên 1000m^2. Diện tích đất này đã được phân chia cho các con bà Nguyễn Thị T. Hiện nay nhà của các con bà Nguyễn Thị T là ông Đào Đình T, bà Đào Thị D, bà Đào Thị P đều làm trên diện tích đất của các cụ để lại. Năm 2001 bà Nguyễn Thị T cho ông Vũ Đức S 137,5m^2 để làm nhà, diện tích này nằm sát diện tích đất các nguyên đơn yêu cầu chia. Ngôi nhà hai tầng trên phần diện tích đất bà Nguyễn Thị T được chia xây dựng bằng nguồn tiền ông Vũ Đức S đầu tư do ông được bà Nguyễn Thị T chia cho 137,5m^2 đất. Năm 1954, cụ Nguyễn Thị L giao cho gia đình bà Nguyễn Thị T quản lý, sử dụng hai thửa đất với gần 2000m^2 chứ không chỉ giao diện tích đất là 626m^2. Do vậy, khi tính công sức trông coi, quản lý tài sản phải tính trên toàn bộ diện tích đất mà cụ Nguyễn Thị L đã giao cho gia đình bà Nguyễn Thị T, chứ không thể chỉ tính trên số diện tích đất mà hiện nay các nguyên đơn yêu cầu đưa ra chia. Bản thân các con bà Nguyễn Thị T là ông Đào Đình T, bà Đào Thị D, bà Đào Thị P đều đã được chia đất trong số diện tích đất mà cụ Nguyễn Thị L giao cho bà Nguyễn Thị T trông coi, quản lý. Sau khi cụ Nguyễn Thị L chết, bà Nguyễn Thị T đã chia cho ông Vũ Đức S 137,5m^2 đất trong số diện tích đất cụ Nguyễn Thị L để lại và ông Vũ Đức S đã bỏ tiền xây ngôi nhà hai tầng hiện nay cho gia đình bà Nguyễn Thị T ở, ngôi nhà này tại vị trí phần diện tích đất bà Nguyễn Thị T được chia. Như vậy xét về công sức trông coi quản lý tài sản trong thời gian từ 1954 đến nay gia đình bà Nguyễn Thị T đã được hưởng tài sản của các cụ bằng việc các con bà được phân chia đất và 137,5m^2 đất năm 2001 bà Nguyễn Thị T cho ông Vũ Đức S. Nếu không tính phần các con được chia trước khi cụ Nguyễn Thị L chết, thì cá nhân bà Nguyễn Thị T đã được hưởng số diện tích đất sau khi bà Nguyễn Thị L chết là 382,1m^2 (244,6m^2 + 137,5m^2). Diện tích đất bà Nguyễn Thị T được hưởng gấp 2 lần diện tích đất bà Nguyễn Thị C2, bà Nguyễn Thị C1 được hưởng.

[7] Mặt khác thấy rằng, trước khi mất cụ Nguyễn Thị L ở cùng bà Nguyễn Thị C1, do bà Nguyễn Thị C1 chăm sóc; bà Nguyễn Thị C1 là người có công lao chăm sóc đối với người để lại di sản. Chính vì vậy, bà Đào Thị D, bà Đào Thị H là con của bà Nguyễn Thị T cũng nhất trí với yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn và đồng tình với quyết định của Bản án sơ thẩm. Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, bà Đào Thị D vẫn có ý kiến gia đình mẹ bà đã được hưởng nhiều tài sản của ông bà ngoại để lại, đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm. Từ các phân tích trên thấy rằng Bản án sơ thẩm xử phân chia như vậy là có căn cứ, hợp tình hợp lý.

[8] Bà Đào Thị L1, bà Đào Thị P, ông Đào Đình T và bà Đào Thị L3, bà Đào Thị L2 (do bà Đào Thị L1 làm đại diện) và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho rằng tại điểm b khoản 2 Điều 10 của Nghị Quyết số 58/1998/NQ-UBTVQH10, quy định: Nếu chủ sở hữu không có yêu cầu lấy lại nhà trước ngày 01/7/1996 hoặc đã chết và trước khi chết không có yêu cầu lấy lại nhà thì công nhận quyền sở hữu cho bố, mẹ, vợ, chồng, con của người đó đang quản lý, sử dụng nhà ở đó. Do cụ Nguyễn Thị L chết năm 1991, không có yêu cầu lấy lại nhà trước khi chết nên nhà đất đương nhiên thuộc về bà Nguyễn Thị T. Thấy rằng, tại điểm b khoản 2 Điều 10 của Nghị Quyết số 58/1998/NQ-UBTVQH10 quy định áp dụng cho trường hợp thời hạn ủy quyền đã hết trước ngày 01/7/2006. Cụ Nguyễn Thị L ủy quyền cho bà Nguyễn Thị T quản lý nhà đất không xác định thời hạn ủy quyền nên không thuộc trường hợp áp dụng quy định trên, mà phải áp dụng quy định tại khoản 1 Điều 10 của Nghị Quyết số 58/1998/NQ-UBTVQH10, là trường hợp chủ sở hữu nhà đã chết thì việc ủy quyền chấm dứt và việc thừa kế nhà ở đó được giải quyết theo quy định của Bộ luật Dân sự. Bản án sơ thẩm giải quyết chia thừa kế theo quy định của Bộ luật Dân sự là đúng. Bởi vậy không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bà Đào Thị L1, bà Đào Thị P, ông Đào Đình T, bà Đào Thị L3 và bà Đào Thị L2.

[9] Xét kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh, thấy rằng: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Nguyễn Thị T đối với thửa số 109, tờ bản đồ số 47 với diện tích 626,7m^2 được cấp ngày 14/4/2016, có số vào sổ cấp Giấy chứng nhận là CH-02930, số sêri của Giấy chứng là BT 641672 (bút lục số 48,49). Bản án sơ thẩm ghi theo số vào sổ cấp Giấy chứng nhận là CH-02930 là đúng.

[10] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị T đã chết trước khi Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết, nên Bản án sơ thẩm quyết định phần tài sản bà Nguyễn Thị T được hưởng cho các con của bà là đúng quy định. Số tài sản này các con bà Nguyễn Thị T chưa yêu cầu phân chia nên là tài sản chung, do vậy chưa xác định được phần của mỗi người con bà Nguyễn Thị T được hưởng là bao nhiêu, nên các con của bà Nguyễn Thị T chỉ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm không giá ngạch mỗi người là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng). Bản án sơ thẩm buộc các con bà Nguyễn Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo giá ngạch là không đúng, cần sửa Bản án về phần án phí dân sự sơ thẩm.

[11] Các nội dung khác không có kháng cáo kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[12] Cấp phúc thẩm sửa một phần Bản án sơ thẩm nên bà Đào Thị L1, bà Đào Thị P, ông Đào Đình T, bà Đào Thị L3 và bà Đào Thị L2 không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm; hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm cho bà Đào Thị L1, bà Đào Thị P, ông Đào Đình T, bà Đào Thị L3 và bà Đào Thị L2.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308; khoản 1 Điều 309 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015. Sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số: 05/2018/DS-ST ngày 23 tháng 7 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn, cụ thể:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; các Điều 623, 649, 650, 651, 660 của Bộ luật Dân sự 2015; điểm d khoản 1 Điều 12, khoản 6 Điều 15, khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 7 Điều 27; khoản 2 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án;

I. Xác định di sản có yêu cầu chia thừa kế là diện tích đất 626,0m^2 thuộc thửa số 109, tờ bản đồ địa chính số 47 phường C tọa lạc tại số *, đường V, khối C, phường C, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn, thửa đất đã được Ủy ban nhân dân thành phố Lạng Sơn cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH-02930 ngày 14/4/2016 mang tên bà Nguyễn Thị T; và hàng thừa kế thứ nhất của cụ Nguyễn Thị L (chết năm 1991) gồm Bà Nguyễn Thị C2, bà Nguyễn Thị C1 và bà Nguyễn Thị T.

II. Chia di sản của cụ Nguyễn Thị L là diện tích đất 626,0m^2 như sau:

1. Chia cho bà Nguyễn Thị T (đã chết) có người kế thừa quyền và nghĩa vụ là bà Đào Thị L1, bà Đào Thị L3, bà Đào Thị L2, bà Đào Thị P, bà Đào Thị D, bà Đào Thị H và ông Đào Đình T được hưởng di sản thừa kế quyền sử dụng đất diện tích 244,6m^2, thuộc một phần thửa đất số 109, tờ bản đồ địa chính số 47, phường C;

Thửa đất ký hiệu 109.1 (là hình ABCD), có các phía tiếp giáp:

+ Phía bắc giáp đất các thửa 92,100; có cạnh ký hiệu BC, gồm các đoạn: 2,20m + 1,07m + 4,27m + 1,32m;

+ Phía Nam giáp đất đường V; có cạnh ký hiệu AD, gồm các đoạn: 5m + 4m.

+ Phía Đông giáp thửa đất được chia cho bà Nguyễn Thị C2, ký hiệu 109.2; có cạnh ký hiệu CD, gồm các đoạn: 27,28m + 0,20m.

+ Phía Tây giáp thửa đất 175 của ông Vũ Đức S; có cạnh ký hiệu AB, gồm các đoạn: 4,61m +14,33m + 7,92m.

Trên đất có 01 ngôi nhà 02 tầng, 01 ngôi nhà cấp 4 và cây trên đất.

2. Chia cho bà Nguyễn Thị C2 quyền sử dụng đất với diện tích 184,2m^2, thuộc một phần thửa đất số 109, tờ bản đồ địa chính số 47 phường C;

Thửa đất ký hiệu 109.2 (là hình DCEGHI), có các phía tiếp giáp:

+ Phía bắc giáp đất các thửa 100, 115; có cạnh là đường gấp khúc ký hiệu CE, gồm các đoạn: 2,10m + 2,66m.

+ Phía Nam giáp đất đường V; có cạnh ký hiệu ID: 9m.

+ Phía Đông giáp một phần thửa đất được chia cho bà Nguyễn Thị C1, ký hiệu 109.3 và giáp thửa đất 114, 115; có cạnh là đường gấp khúc ký hiệu EGHI, gồm các đoạn: 10,39m + 3,0m + 3,88m + 0,48m + 5,09m + 4,83m + 3,78m;

+ Phía Tây giáp thửa đất được chia cho bà Nguyễn Thị T, ký hiệu 109.1; có cạnh ký hiệu DC, gồm các đoạn: 27,28m + 0,20m

Và được sở hữu các cây trên diện tích đất trên.

3. Chia cho bà Nguyễn Thị C1 được quyền sử dụng đất với diện tích 197,2m^2, thuộc một phần thửa đất số 109, tờ bản đồ địa chính số 47 phường C;

Thửa đất ký hiệu 109.3 (là hình IHKMN), có phía tiếp giáp:

+ Phía bắc giáp đất các thửa 114, 200; có cạnh ký hiệu HK, gồm các đoạn: 5,93m + 9,80m + 5,03m;

+ Phía Nam giáp đất đường V; có cạnh là đường gấp khúc ký hiệu INM, gồm các đoạn: 4,68m + 6,23m + 8,77m.

+ Phía Đông giáp đất đường ngõ; có cạnh ký hiệu KM dài: 8,25m.

+ Phía Tây giáp thửa đất được chia cho bà Nguyễn Thị C2, ký hiệu 109.2; có cạnh ký hiệu HI dài: 10,39m .

Và được sở hữu các cây trên thửa đất trên.

(*kèm theo Bản án là Mảnh trích đo địa chính số 40-2018 hệ tọa độ VN2000, khối C, tờ số 47 (418.472-6-15) lập ngày 16/5/2018 và Sơ họa phân chia thửa đất lập ngày 23/7/2018*).

Các đương sự được thực hiện quyền và nghĩa vụ của người sử dụng đất theo quy định pháp luật.

III. Về án phí dân sự:

1. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị C2 và bà Nguyễn Thị C1 được miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả lại cho bà Nguyễn Thị C2 số tiền là 4.166.000đ (bốn triệu, một trăm sáu mươi sáu nghìn đồng) theo Biên lai thu số 02547 ngày 01/12/2017; hoàn trả lại cho bà Nguyễn Thị C1 số tiền là 4.166.000đ (bốn triệu, một trăm sáu

mươi sáu nghìn đồng) theo Biên lai thu số 02548 ngày 01/12/2017 đều của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố L, tỉnh Lạng Sơn.

- Các ông, bà: Đào Thị L1, Đào Thị L3, Đào Thị L2, Đào Thị D, Đào Thị P, Đào Thị H và ông Đào Đình T mỗi người phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

2. Về án phí dân sự phúc thẩm: Các bà: Đào Thị L1, Đào Thị L3, Đào Thị L2, Đào Thị P và ông Đào Đình T không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả cho các ông, bà: Đào Thị L1, Đào Thị L3, Đào Thị L2, Đào Thị P và ông Đào Đình T mỗi người 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo các Biên lai thu tiền: số 02845, số 02846, số 02847, số 02848 và số 02849 cùng ngày 10/8/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố L, tỉnh Lạng Sơn.

IV. Các phần quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TANDCC tại Hà Nội;
- VKSNDCC tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- TAND TP Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn;
- CCTHADS thành phố L, tỉnh Lạng Sơn;
- Các đương sự;
- HCTP; KTNV&THA;
- Lưu: Hồ sơ vụ án; Tòa dân sự;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Trung Vân